TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2024/HS-ST
Ngày: 20/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Hồng
2. Ông Trần Văn Hưng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 96/2024/TLST-HS ngày 25/11/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST-HS ngày 05/12/2024, đối với bị cáo:

Huỳnh Văn T, sinh năm 1988 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số D, ấp C, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn D (đã chết) và bà Dương Thị N, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 15/01/2003 bị Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) đưa vào T1 giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng về hành vi "Trộm cắp tài sản" (Quyết định Số 56/QĐ-UB, chấp hành xong ngày 20/01/2005); ngày 28/9/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là thành phố B) xử phạt 08 năm 09 tháng tù về tội "Cướp tài sản" và "Trộm cắp tài sản" (Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2006/HSST, chấp hành xong bản án ngày 06/12/2014);

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/4/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

- *Đại diện hợp pháp của bị cáo:* Dương Thị N, sinh năm 1965; nơi cư trú: số D, ấp C, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt

- *Người bào chữa của bị cáo:* Luật sư Lê Thị Yến N1 thuộc Văn phòng L1 – Đoàn luật sư tỉnh B. Có mặt

- *Bị hại:* Trương Thế P, sinh năm 1984; nơi cư trú: số C, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt

- *Người làm chứng:*

1. Võ Thành N2, sinh năm 1999; nơi cư trú: số C, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

2. Nguyễn Thị Vân C, sinh năm 1969; nơi cư trú: số D, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt

3. Võ Thanh L, sinh năm 1990; nơi cư trú: số A, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

4. Trương Thị Ngọc T2, sinh năm 1981; nơi cư trú: số C, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 05 phút ngày 27/01/2024, Huỳnh Văn T và Trương Thế P đánh bi - da với nhau tại quán B ở số D, ấp A, xã M, thành phố B. Đến khoảng 22 giờ 05 phút cùng ngày thì cả hai ra về. Khi ra khu vực phía trước cửa quán, P kêu T đánh Võ Thành N2 nhưng T không đồng ý và dùng tay đánh vào mặt, dùng chân đá vào người của P gây thương tích. Bà Nguyễn Thị Vân C là quản lý của quán bi-a thấy T đánh Phiệt nên đã điện thoại cho anh Võ Thanh L là hàng xóm ở đối diện quán đến can ngăn và đưa P về nhà. Sau đó, P được gia đình đưa đến Bệnh viện Đ, tỉnh Bến Tre cấp cứu đến ngày 02/02/2024 xuất viện.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống Số 73/24/KLTTCT-TTPYBT ngày 21/3/2024 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh B kết luận:

1. Các kết quả chính: Gãy cung tiếp trái can tốt; Gãy xương chính mũi không ảnh hưởng đến chức năng thở; Tổn thương chi sau bao trong trái còn hình ảnh tổn thương trên chẩn đoán hình ảnh đường kính nhỏ hơn 2cm.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trương Thế P tại thời điểm giám định là 32%, áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

3. Kết luận khác:

- Phân tích tỷ lệ từng vết thương: Gãy cung tiếp trái can tốt: 08% (Tám phần trăm) căn cứ Chương 11 Mục I.2; Gãy xương chính mũi không ảnh hưởng đến chức năng thở: 07% (Bảy phần trăm) căn cứ Chương 12 Mục II.3.1. Tổn thương chi sau bao trong trái còn hình ảnh tổn thương trên chẩn đoán hình ảnh đường kính nhỏ hơn 2cm: 21% căn cứ Chương 1 Mục III.1.

- Cơ chế hình thành vết thương: do vật tày gây ra.

Tại Kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 405/24/KLTTCT-TTPYBT ngày 15/11/2024 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh B

kết luận: căn cứ Giấy chứng nhận thương tích Số 107/2024/CN ngày 16/02/2024 do Bệnh viện Đ cấp, với những thương tích đã nêu trong giấy chứng nhận thương tích, nếu không cấp cứu kịp thời không dẫn đến tử vong.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần Số 5251/KLGĐ ngày 17/7/2024 của Trung tâm P1 kết luận đối với Huỳnh Văn T:

1.1 Về Y học: Trước, trong, sau khi gây án ngày 27/01/2024 và đến hiện tại, Huỳnh Văn T có Rối loạn tâm thần. Loại bệnh: Rối loạn nhân cách chống đối xã hội (F60.2-ICD10).

1.2. Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong, sau khi gây án ngày 27/01/2024 và đến hiện tại, Huỳnh Văn T hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

2. Ý kiến khác: Nguyên nhân gây nên Rối loạn tâm thần là do bệnh lý. Về năng lực chịu trách nhiệm hình sự không thuộc thẩm quyền trả lời của Giám định viên pháp y tâm thần.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Trương Thế P yêu cầu Huỳnh Văn T bồi thường chi phí điều trị thương tích với số tiền 26.303.800 đồng, T đã tác động bà Dương Thị N (mẹ ruột) bồi thường trước số tiền 5.000.000 đồng. Bà Dương Thị N không yêu cầu T trả lại số tiền 5.000.000 đồng đã thay T bồi thường cho bị hại.

Quá trình điều tra, Huỳnh Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị can phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại cáo trạng số 98/CT-VKSTPBT ngày 25/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 134; điểm b, q, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Trương Thế P yêu cầu Huỳnh Văn T bồi thường chi phí điều trị thương tích với số tiền 26.303.800 đồng, T đã tác động bà Dương Thị N (mẹ ruột) bồi thường trước số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường phần còn lại nên buộc bị cáo bồi thường. Ghi nhận bà Dương Thị N không yêu cầu T trả lại số tiền 5.000.000 đồng đã thay T bồi thường cho bị hại.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Đại diện hợp pháp của bị cáo trình bày: bà là mẹ của bị cáo, bị cáo bị hạn chế năng lực là do bệnh lý. Việc bị cáo gây thương tích cho bị hại bà không có chứng kiến, lời khai của bị cáo tại tòa là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Bị cáo có tác động nhờ bà có thay bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng, bà không có yêu cầu gì đối với số tiền này.

Người bào chữa của bị cáo trình bày: thống nhất tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng. Đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

Bị hại trình bày: Việc bị cáo gây thương tích cho anh như cáo trạng nêu là đúng. Bị cáo đã bồi thường cho anh 5.000.000 đồng, anh yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 21.303.800 đồng, về trách nhiệm hình sự anh yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Người làm chứng Nguyễn Thị Vân C trình bày: ngày xảy ra sự việc bị cáo và bị hại có chơi bi-a tại quán của bà, bà không nghe thấy các bị cáo cãi nhau hay đánh nhau. Sau khi bị cáo, bị hại ra khỏi quán mới đánh nhau, khi đánh nhau thì bà không thấy.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 27/01/2024, xuất phát từ việc Trương Thế P xúi giục Huỳnh Văn T đánh người người khác (Võ Thành N2) nhưng T không đồng ý và T đã có hành vi dùng tay, chân đánh anh Trương Thế P gây thương tích 32% tại khu vực phía trước quán B ở số D, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

[3] Bị cáo là bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nhưng không thuộc trường hợp được loại trừ trách nhiệm hình sự; bị cáo dùng tay gây thương tích cho bị hại với tỉ lệ tổn thương cơ thể là 32%. Vì vậy, Cáo trạng truy tố

bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, nguyên nhân phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng đã nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng là "Đã tự nguyện bồi thường một phần hậu quả", "Bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi khi phạm tội", "Người phạm tội thành khẩn khai báo" theo quy định tại điểm b, q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: bị hại Trương Thế P yêu cầu Huỳnh Văn T bồi thường chi phí điều trị thương tích với số tiền 26.303.800 đồng, T đã tác động bà Dương Thị N (mẹ ruột) bồi thường trước số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường phần còn lại nên buộc bị cáo bồi thường. Ghi nhận bà Dương Thị N không yêu cầu T trả lại số tiền 5.000.000 đồng đã thay T bồi thường cho bị hại.

[7] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, trách nhiệm dân sự đề nghị áp dụng là phù hợp nên được chấp nhận. Đề nghị của người bào chữa của bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo bị kết án và có nghĩa vụ bồi thường nên phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

1. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 134; điểm b, q, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Các điều 357, 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự: buộc bị cáo bồi thường cho anh Trương Thế P số tiền 21.303.800 (hai mươi mốt triệu ba trăm linh ba nghìn tám trăm) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Huỳnh Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Huỳnh Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.065.000 (Một triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

Tổng cộng, bị cáo phải nộp án phí là 1.265.000 (Một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng

4. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa của bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Phú Nhuận, TPBT (1b);
- Bị cáo, NTGTT (4b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình